

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18-12-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim H; nơi cư trú: Tổ dân phố I, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ; nơi cư trú: Cụm H, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN: oà, V, Hải Phòng NÔIUIJ

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07-11-1989 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Minh Hải, (nay là phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau). Thời điểm kết hôn bà là giáo viên công tác tại Trường P, tỉnh Minh Hải, ông Đ là công nhân, trú tại Xí nghiệp cơ khí đóng tàu thuyền tỉnh M. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ông Nguyễn Văn Đ đã làm đơn ly hôn bà tại Tòa án nhân dân thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải. Tòa án thị xã Cà Mau đã thụ lý vụ án theo hồ sơ số 56-TL ngày 17-6-1991, tuy nhiên do bà đang nuôi con nhỏ dưới 01 tuổi nên Tòa án đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 31-QĐ-ST ngày 20-6-1991. Từ năm 1991 đến nay, ông Đ đã trở về quê ở xã V, huyện V thành phố Hải Phòng sinh sống, sau đó chung sống với người phụ nữ khác và đã có 02 con chung. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức Thiệu Y, sinh ngày 09-10-1990 hiện nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như bà Trần Thị Kim H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Năm 1991 ông đã có đơn ly hôn bà H đến Tòa án nhân dân thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải và đã được giải quyết xong, tuy nhiên ông không có văn bản chứng minh ông và bà H đã ly hôn. Từ năm 1991 đến nay, ông trở về quê ở xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng sinh sống, ông và bà H sống ly thân hơn 30 năm nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay bà H xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Kim H có 01 con chung là Nguyễn Đức Thiệu Y, sinh ngày 09-10-1990, hiện nay đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ

theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức Thiệu Y, sinh ngày 09-10-1990 hiện nay đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Cụm H, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông Đ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Minh Hải, nay là phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 07-11-1989, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà hoà thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay bà H xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà đề nghị được ly hôn ông Đ. Ông Đ trình bày năm 1991 ông đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải và đã được Tòa án giải quyết, tuy nhiên ông không có văn bản chứng minh ông và bà H đã ly hôn. Bà H xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại công văn số 118/CV-TA ngày 28-11-2024 Tòa án nhân thành phố C, tỉnh Cà Mau cung

cấp: Qua rà soát hồ sơ lưu tại Tòa án nhân dân thị xã Cà Mau, thể hiện: “Tòa án có thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 56-TL ngày 17-6-1991 về việc ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961; trú tại xí nghiệp C với bà Trần Kim H, sinh năm 1963 (28 tuổi) cư trú và làm việc tại Trường phổ thông trung học Hồ Thị Kỷ thị xã P. Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ việc kiện số 31-QĐ-ST ngày 20-6-1991; nội dung: Xét thấy trong quá trình chị H đang nuôi con nhỏ chưa đầy 1 tuổi (8 tháng) nên không thể tiếp tục giải quyết theo yêu cầu của anh Đ được mà nghĩ nên chờ chị H nuôi con tròn 1 tuổi đúng luật định, khi có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết sau. Tuy nhiên hiện tại Tòa án thành phố C không có hồ sơ, thông tin đương sự về yêu cầu giải quyết lại vụ việc và cũng không tìm thấy dữ liệu thể hiện việc Tòa án đã giải quyết vụ án. Kèm theo công văn là Bản sao quyết định tạm đình chỉ việc kiện số 31/QĐ-ST ngày 20-6-1991 của Tòa án nhân dân thị xã Cà Mau”. Qua xác minh thì thấy, từ năm 1991 đến nay ông Đ và bà H sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của bà Trần Thị Kim H xin ly hôn ông Nguyễn Văn Đ phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ có một con chung là Nguyễn Đức Thiệu Y, sinh ngày 09-10-1990 hiện nay đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức Thiệu Y, sinh ngày 09-10-1990, hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Trần Thị Kim H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009427 ngày 08 tháng 10 năm 2024. Bà Trần Thị Kim H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- Ủy ban nhân dân phường 2 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền